

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/KDTM-ST
Ngày: 02-6-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Ngày 02-6-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2023/TLST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Tòa nhà E, số I đường K, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Nam Định (Theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hòa Quang T – Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/02/2023).

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1968 và bà Kim Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm R, xã Hải X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Vắng mặt: ông Hòa Quang T có lý do; vắng mặt: ông P, bà L không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-02-2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng trình bày:

Ngày 18-01-2022, Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Nam Định đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD341202200035 đối với bên vay là vợ chồng ông Nguyễn Anh P, bà Kim Thị L. Tổng số tiền cấp tín dụng cho ông P, bà L là 2.800.000.000đ, ông P, bà L đã nhận đủ số tiền giải ngân 2.800.000.000đ theo khế ước nhận nợ ngày 19-01-2022. Thời gian vay: 09 tháng tính từ ngày 19/01/2022 đến ngày 19/10/2022. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh buôn bán cây cảnh. Lãi suất cho vay 10,1%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay tín dụng, ngày 18-01-2022, Ngân hàng và ông P, bà L đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDDTC341202200035. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 90, tờ bản đồ số 01 xã X, diện tích 350m², đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CO 838414, ngày 29-01-2019 mang tên ông Vũ Hồng D, bà Lê Thị V nhưng đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho chủ sử dụng ông Nguyễn Anh P ngày 21-12-2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông P, bà L đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng, dẫn đến nợ quá hạn kể từ ngày 20-10-2022. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông P, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện. Tính đến ngày 02-6-2023, ông P, bà L còn dư nợ tại Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi, lãi phạt là: 3.087.851.487đ, trong đó: nợ gốc 2.799.999.931đ, nợ lãi quá hạn 21.412.465đ, lãi phạt 266.439.091đ. Tại biên bản xem xét thẩm định thực địa ngày 13-4-2023 đối với tài sản thế chấp của ông P, bà L thì đại diện Ngân hàng xác nhận hiện trạng tài sản thế chấp là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 01 xã X, diện tích 350m² từ khi thế chấp đến nay không có biến động thay đổi gì so với thời điểm thế chấp, trên đất không xây dựng công trình gì, Ngân hàng nhất trí với hiện trạng của tài sản thế chấp.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông P, bà L phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02-6-2023 là 3.087.851.487đ, trong đó: nợ gốc 2.799.999.931đ, lãi quá hạn 21.412.465đ, lãi phạt 266.439.091đ. Kể từ sau ngày Tòa án xét xử thì buộc ông P, bà L còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi quá hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông P, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho

Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tất cả các tài sản và các khoản thu nhập hiện hữu của ông P, bà L để thu hồi nợ. Sau khi xử lý các tài sản, các khoản thu nhập mà vẫn không trả hết nợ thì ông P, bà L có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông P, bà L đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tài liệu theo quy định. Như vậy, ông P, bà L đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại biên giao văn bản của Tòa án ngày 10-4-2023 về việc giao nhận Quyết định xem xét thẩm định tài sản số 30 ngày 07-4-2023, bị đơn bà Kim Thị L nhận văn bản và xin vắng mặt tại buổi xem xét thẩm định do vợ chồng ông P, bà L đều bận đi làm, bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 98, 170, 171, 175, 177, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự như cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông P, bà L không có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, không có mặt tại phiên tòa là chưa có ý thức chấp hành pháp luật theo các quy định tại các Điều trên.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông P, bà L phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02-6-2023 là 3.087.851.487đ, trong đó: nợ gốc 2.799.999.931đ, lãi quá hạn 21.412.465đ, lãi phạt 266.439.091đ. Trường hợp ông P, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 90, tờ bản đồ số 01 xã X, diện tích 350m², đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CO 838414, ngày 29-01-2019 mang tên ông Vũ Hồng D, bà Lê Thị V nhưng đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho chủ sử dụng ông Nguyễn Anh P ngày 21-12-2020 theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Nếu số tiền phát mại tài sản vượt quá tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng ông P, bà L được nhận lại phần chênh lệch thừa. Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ

tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng ông P, bà L còn phải tiếp tục thi hành phần chênh lệch còn thiếu đối với Ngân hàng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đại diện nguyên đơn Ngân hàng ông Hòa Quang T vắng mặt đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Anh P, bà Kim Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] Xét hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD341202200035 ngày 18-01-2022 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDDTC341202200035 ngày 18-01-2022, được ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Nguyễn Anh P, bà Kim Thị L thì thấy: Tại thời điểm ký các hợp đồng, Ngân hàng là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; ông P, bà L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, là hộ gia đình có đăng ký kinh doanh. Việc các bên ký hợp đồng và các văn bản tín dụng khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch phát triển kinh doanh, tăng thu nhập của doanh nghiệp và gia đình. Về nội dung các hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức các hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông P, bà L đã được Tòa án giao cho nhận bản sao hợp đồng hạn mức tín dụng và hợp đồng thế chấp do Ngân hàng nộp kèm theo đơn khởi kiện nhưng ông P, bà L không có ý kiến gì về hình thức và nội dung của hai hợp đồng trên. Do đó, hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD341202200035 ngày 18-01-2022 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDDTC341202200035 ngày 18-01-2022 được ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng ông P, bà L và các văn bản tín dụng khác kèm theo đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Anh P, bà Kim Thị L:

Theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD341202200035 ngày 18-01-2022, giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 19-01-2022 giữa Ngân hàng và ông P, bà L và các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng xuất trình: Ngày 19-01-2022, Ngân hàng đã ký giải ngân cho ông P, bà L vay số tiền 2.800.000.000đ; lãi suất cho vay 10,1%/năm cố định trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ hoặc trong kỳ khi có nguồn thu. Kỳ hạn trả nợ lãi: Vào ngày 20 hàng tháng; ngày trả nợ cuối cùng 19/10/2022. Quá

trình thực hiện hợp đồng, ông P, bà L chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vay gốc 2.800.000.000đ, tuy nhiên, nợ gốc đến nay còn lại 2.799.999.931đ là do Ngân hàng hoạch toán lại lãi mỗi lần ông P, bà L thanh toán lãi. Lãi đã thanh toán được đến hết ngày 19-10-2022 là 190.106.440đ, kể từ ngày 20-10-2022 chưa thanh toán lãi nên chuyển thành nợ quá hạn. Từ đó đến nay, hợp đồng đã hết hạn, ông P, bà L không trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng khi đến hạn là vi phạm các điều khoản mà hai bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông P, bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02-6-2023 là 3.087.851.487đ, trong đó: nợ gốc 2.799.999.931đ, lãi quá hạn 21.412.465đ, lãi phạt 266.439.091đ là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nợ tại Ngân hàng, ông P, bà L đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 90, tờ bản đồ số 01 xã X, diện tích 350m², đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CO 838414, ngày 29-01-2019 mang tên ông Vũ Hồng D, bà Lê Thị V nhưng đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho chủ sử dụng ông Nguyễn Anh P ngày 21-12-2020 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDDTC341202200035 ngày 18-01-2022, trên đất không có tài sản công trình xây dựng gì. Tại buổi xem xét thẩm định thực địa ngày 13-4-2023, bị đơn ông P, bà L vắng mặt nhưng bà L đã có ý kiến xin vắng mặt và nhất trí với việc Tòa án xem xét thẩm định tài sản thế chấp, không có ý kiến gì; đại diện Ngân hàng xác nhận hiện trạng tài sản thế chấp từ khi thế chấp đến nay không có biến động thay đổi gì so với thời điểm thế chấp, trên đất không xây dựng công trình gì, Ngân hàng nhất trí với hiện trạng của tài sản thế chấp. Vì vậy, trường hợp ông P, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định thực địa và không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 157, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Anh P, bà Kim Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02-6-2023 là 3.087.851.487đ (ba tỷ không trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc 2.799.999.931đ (hai tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi một đồng), lãi quá hạn 21.412.465đ (hai mươi một triệu, bốn trăm mười hai nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng), lãi phạt 266.439.091đ (hai trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, không trăm chín mươi một đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo là ngày 03-6-2023 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Anh P, bà Kim Thị L không trả hoặc trả không đủ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 90, tờ bản đồ số 01 xã X, diện tích 350m², đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CO 838414, ngày 29-01-2019 mang tên ông Vũ Hồng D, bà Lê Thị V, đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho chủ sử dụng ông Nguyễn Anh P ngày 21-12-2020 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDDTC341202200035 ngày 18-01-2022 giữa Ngân hàng và ông P, bà L. Nếu số tiền phát mại tài sản vượt quá tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng ông P, bà L được nhận lại phần chênh lệch thừa. Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng ông P, bà L phải tiếp tục thi hành phần chênh lệch còn thiếu đối với Ngân hàng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Vợ chồng ông P, bà L phải nộp 93.757.029đ (chín mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) tại biên lai thu số 0006586 ngày 08-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã X;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng

Lưu Văn Đê

Nguyễn Thị Hằng